

Số: 11/2026/QĐST-DS

Hải Phòng, ngày 26 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2026 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 01 năm 2026,

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Đồng Nguyên đơn:*

+ Công ty Cổ phần M1 (viết tắt là Jupiter); địa chỉ trụ sở: Tầng A, Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn J: Ông Nguyễn Thành D - Trưởng bộ phận xử lý nợ; ông Nguyễn Ngọc Trường S, ông Vũ Văn H - đều là chuyên viên xử lý nợ; là những người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 04/2025/UQ-TGD ngày 29-8-2025 của ông Hoàng Anh T - Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần M1 cho ông Nguyễn Phúc T1 - Trưởng phòng xử lý nợ Auto và Văn bản ủy quyền số 37501/2025/UQ-XLN-JUPITER ngày 16-01-2026 của ông Nguyễn Phúc T1 cho ông Nguyễn Thành D, ông Nguyễn Ngọc Trường S, ông Vũ Văn H).

+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V (viết tắt là V1); địa chỉ trụ sở: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội;

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn V1: Ông Nguyễn Lê Q và ông Nguyễn Ngọc T2 - đều là chuyên viên xử lý nợ; là người đại diện theo ủy quyền (theo Văn bản ủy quyền số 50/2025/UQN-CTQT ngày 07-11-2025 của ông Ngô Chí D1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của V1 cho ông Nguyễn Như G - Trưởng phòng xử lý nợ pháp lý tích hợp 2 và Văn bản ủy quyền

số 17001/2026/UQN-VPB ngày 05-01-2026 của ông Nguyễn Như G cho ông Nguyễn Lê Q và ông Nguyễn Ngọc T2).

- *Bị đơn*: Bà Lương Thị Thu H1, sinh năm 1975; CCCD số 031175007697 do Cục C về TTXH cấp ngày 10-5-2021; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện K (nay là Thôn V, xã K), thành phố Hải Phòng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1975; CCCD số 031075007988 do Cục C về TTXH cấp ngày 28-6-2021; nơi cư trú: Thôn V, xã Đ, huyện K (nay là Thôn V, xã K), thành phố Hải Phòng.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về số dư nợ:

Công ty Cổ phần M1, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và bà Lương Thị Thu H1, ông Nguyễn Đức M thống nhất:

Bà Lương Thị Thu H1 còn nợ và phải thanh toán trả cho J và V1 tổng số tiền tạm tính đến ngày 18 tháng 3 năm 2026 là: 360.397.457đ (Ba trăm sáu mươi triệu ba trăm chín mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi bảy) đồng. Trong đó: nợ gốc là 254.736.416đ (Hai trăm năm mươi tư triệu bảy trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm mười sáu) đồng; nợ lãi là: 90.935.773đ (Chín mươi triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn bảy trăm bảy mươi ba) đồng; nợ thẻ tín dụng là 14.725.268đ (Mười bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi tám) đồng theo Hợp đồng tín dụng số LN2307319862993 ký ngày 07-8-2023 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tính dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 07-8-2023 giữa V1 và bà Lương Thị Thu H1. Theo Hợp đồng mua bán nợ số 03/2025/VPB-JUPITER ngày 28-02-2025, Hợp đồng chuyển nhượng số 04/2025/VPB-JUPITER ngày 28-02-2025 và phụ lục đính kèm giữa V1 và J, cụ thể V1 đồng ý bán và J1 đồng ý mua một phần (90%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số LN2307319862993; toàn bộ (100%) khoản nợ phát sinh theo thẻ tín dụng được cấp dựa trên Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tính dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 07-8-2023, cụ thể:

Số tiền bà Lương Thị Thu H1 phải thanh toán cho J tạm tính đến ngày 18-3-2026 là: 331.424.604đ (Ba trăm ba mươi một triệu bốn trăm hai mươi tư nghìn sáu trăm linh tư) đồng. Trong đó: nợ gốc là 234.857.140đ (Hai trăm ba mươi tư triệu tám trăm năm mươi bảy nghìn một trăm bốn mươi) đồng; nợ lãi là 81.842.196đ (Tám mươi một triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn một trăm chín mươi sáu) đồng; nợ thẻ tín dụng là 14.725.268đ (Mười bốn triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn hai trăm sáu mươi tám) đồng.

Số tiền bà Lương Thị Thu H1 phải thanh toán cho V1 tạm tính đến ngày 18-3-2026 là: 28.972.853đ (Hai mươi tám triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn tám trăm năm mươi ba) đồng. Trong đó: nợ gốc là 19.879.276đ (Mười chín triệu tám trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi sáu) đồng; nợ lãi là 9.093.577đ (Chín triệu không trăm chín mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi bảy) đồng.

2.2 Về phương án trả nợ:

- Chậm nhất đến ngày 18 tháng 4 năm 2026 bà Lương Thị Thu H1 sẽ trả cho nguyên đơn số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu) đồng.

- Chậm nhất đến ngày 18 tháng 5 năm 2026 bà Lương Thị Thu H1 sẽ trả cho nguyên đơn 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng.

- Chậm nhất đến ngày 18 tháng 6 năm 2026 bà Lương Thị Thu H1 sẽ tất toán trả hết cho nguyên đơn số tiền nợ còn lại.

Kể từ ngày 19 tháng 3 năm 2026 cho đến khi thi hành án xong, bà Lương Thị Thu H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN2307319862993 ký ngày 07-8-2023 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tính dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 07-8-2023 giữa V1 và bà Lương Thị Thu H1 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về xử lý tài sản bảo đảm:

Trường hợp bà Lương Thị Thu H1 vi phạm bất kỳ một nghĩa vụ trả nợ hoặc cam kết nào theo phương án trả nợ như nêu trên thì Jupiter và V1 có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho J và V1 là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu VIFAST VF5 PLUS, số khung RLNV5JSEIPV012478, số máy VFCAFB237050048. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 15K - 151.69 do Công an huyện K, thành phố Hải Phòng cấp ngày 08-8-2023 thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Lương Thị Thu H1 và chồng là Nguyễn Đức M, được thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số LN2307319862993 ngày 07-8-2023 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng ngày 07-8-2023.

Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho J và V1 thì bà Lương Thị Thu H1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho cho J và V1 đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số LN2307319862993 ký ngày 07-8-2023 và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tính dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng Đ ký ngày 07-8-2023 giữa V1 và bà Lương Thị Thu H1.

Trường hợp phát mại tài sản thế chấp, nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán cho J và V1 vẫn còn thừa thì J và V1 có trách nhiệm trả lại cho bà Lương Thị Thu H1 và ông Nguyễn Đức M.

3. Về án phí: Bà Lương Thị Thu H1 nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là: 9.009.931đ (Chín triệu không trăm linh chín nghìn chín trăm ba mươi một) đồng.

Trả lại V1 số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 789.111đ (Bảy trăm tám mươi chín nghìn một trăm mười một) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001078 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

Trả lại Jupiter số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.763.545đ (Tám triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn năm trăm bốn mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001080 ngày 22 tháng 01 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

4. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND khu vực 6 - Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 6 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Phương